

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	12
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	13

2:  
C  
B  
I-

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 82/GP/KDBH cấp ngày 19 tháng 5 năm 2020.

Giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài Chính cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép này.

#### Hội đồng Thành viên

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Đại	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Khắc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thủy	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Khắc Dũng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### Trụ sở chính

Tòa nhà Abacus, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm HD ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 59. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Khắc Dũng  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm HD (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 59.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

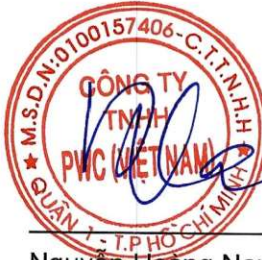
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM15066  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đào Trọng Hoàng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5620-2021-006-1



## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD

Mẫu số B 01 – DNPNT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.192.618.895.779</b>	<b>1.880.580.811.980</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>32.237.070.025</b>	<b>245.660.235.311</b>
111	Tiền		32.237.070.025	10.660.235.311
112	Các khoản tương đương tiền		-	235.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.735.000.000.000</b>	<b>610.000.000.000</b>
121	Đầu tư ngắn hạn	5	1.735.000.000.000	610.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>205.371.600.697</b>	<b>948.746.105.234</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		151.277.910.904	121.224.904.832
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6(a)	148.064.808.018	81.966.628.267
131.2	- Phải thu khác của khách hàng	6(b)	3.213.102.886	39.258.276.565
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		827.688.416	644.388.524
135	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	55.228.515.082	828.363.863.027
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6(c)	(1.962.513.705)	(1.487.051.149)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>57.788.000</b>	<b>57.788.000</b>
141	Hàng tồn kho		57.788.000	57.788.000
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>169.565.415.675</b>	<b>28.276.626.520</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	169.390.028.502	25.153.523.765
151.1	- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		36.109.379.954	8.392.554.803
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		133.280.648.548	16.760.968.962
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	-	3.123.102.755
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	175.387.173	-
<b>190</b>	<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>		<b>50.387.021.382</b>	<b>47.840.056.915</b>
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	15(a)	41.277.730.279	33.858.506.012
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	15(a)	9.109.291.103	13.981.550.903

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>664.867.591.816</b>	<b>690.130.955.432</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>14.485.000.000</b>	<b>14.385.000.000</b>
218	Phải thu dài hạn khác	7(b)	14.485.000.000	14.385.000.000
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm		14.000.000.000	14.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác		485.000.000	385.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>572.195.120.899</b>	<b>572.893.503.475</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	28.321.298.214	29.019.680.790
222	Nguyên giá		30.586.701.670	30.586.701.670
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.265.403.456)	(1.567.020.880)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	543.873.822.685	543.873.822.685
228	Nguyên giá		543.873.822.685	543.873.822.685
229	Giá trị khấu hao lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>57.296.262.550</b>	<b>58.527.230.590</b>
241	Nguyên giá		61.550.323.098	61.550.323.098
242	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.254.060.548)	(3.023.092.508)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.891.208.367</b>	<b>44.325.221.367</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	20.891.208.367	44.325.221.367
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.857.486.487.595</b>	<b>2.570.711.767.412</b>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.008.329.894.183</b>	<b>598.456.143.823</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>850.139.063.715</b>	<b>261.716.820.203</b>
312	Phải trả người bán ngắn hạn	11(a)	235.617.648.981	101.891.900.225
312.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		57.677.621.035	16.546.348.287
312.2	- Phải trả khác cho người bán		177.940.027.946	85.345.551.938
313	Người mua trả tiền trước		472.398.308	2.268.026.021
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	1.939.411.845	6.061.700.646
315	Phải trả người lao động		69.038.853	-
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	4.672.454.642	6.025.220.783
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	252.373.398.950	1.889.624.487
319.1	- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		2.158.350.313	1.436.923.461
329	Dự phòng nghiệp vụ		354.994.712.136	143.580.348.041
329.1	- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	15(a)	302.549.732.188	91.293.384.279
329.2	- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	15(a)	40.068.877.603	45.063.288.573
329.3	- Dự phòng dao động lớn	15(b)	12.376.102.345	7.223.675.189
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>158.190.830.468</b>	<b>336.739.323.620</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	11(b)	155.149.315.068	333.697.808.220
333	Phải trả dài hạn khác	14(b)	3.041.515.400	3.041.515.400

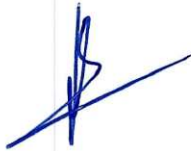
Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD**

Mẫu số B 01 – DNPNT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.849.156.593.412</b>	<b>1.972.255.623.589</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.849.156.593.412</b>	<b>1.972.255.623.589</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	17	14.957.829.671	8.612.781.180
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	34.198.763.741	163.642.842.409
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	82.498.517.287
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		34.198.763.741	81.144.325.122
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.857.486.487.595</b>	<b>2.570.711.767.412</b>



Bùi Quang Lê Dũng  
Người lập



Đoàn Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng




Phạm Khắc Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

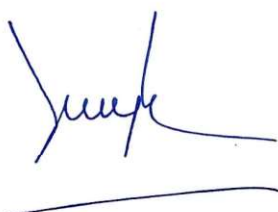
Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

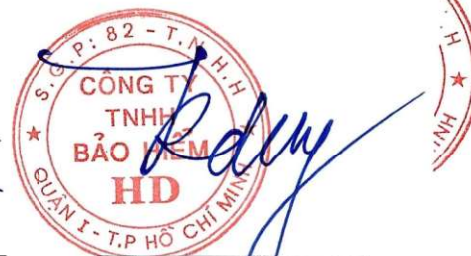
## PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	314.997.327.911	464.385.137.960
11	Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư	26	15.623.766.600
12	Doanh thu hoạt động tài chính	23	164.992.470.288
13	Thu nhập khác		5.802.091
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(246.130.832.493)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư	28	(1.455.929.308)
22	Chi phí hoạt động tài chính	24	(23.120.647.244)
24	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(66.157.025.944)
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>158.754.931.901</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành</b>	27	<b>(31.853.962.078)</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	27	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>126.900.969.823</b>

  
Bùi Quang Lê Dũng  
Người lập

  
Đoàn Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng

  
Phạm Khắc Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD**

Mẫu số 02 - DNPNT

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>01</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>386.723.701.758</b>	<b>524.004.114.651</b>
01.1	- Phí bảo hiểm gốc	546.083.682.869	521.974.961.186
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	51.896.366.798	30.931.017.145
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	15(a), 19 (211.256.347.909)	(28.901.863.680)
<b>02</b>	<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(75.318.109.811)</b>	<b>(62.948.096.932)</b>
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	20 (82.737.334.078)	(67.776.327.438)
02.2	Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	15(a), 20 7.419.224.267	4.828.230.506
<b>03</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>	<b>311.405.591.947</b>	<b>461.056.017.719</b>
<b>04</b>	<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>3.591.735.964</b>	<b>3.329.120.241</b>
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.389.629.019	3.042.604.591
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	202.106.945	286.515.650
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>314.997.327.911</b>	<b>464.385.137.960</b>
<b>11</b>	<b>Chi bồi thường</b>	<b>(51.180.139.326)</b>	<b>(37.369.695.007)</b>
11.1	- Tổng chi bồi thường	21 (51.180.139.326)	(37.369.695.007)
<b>12</b>	<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>5.792.881.000</b>	<b>1.540.712.805</b>
<b>13</b>	<b>Giảm/ (tăng) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>4.994.410.970</b>	<b>(28.313.737.242)</b>
13		15(a), 21	
<b>14</b>	<b>(Giảm)/ tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(4.872.259.800)</b>	<b>9.353.093.817</b>
14		15(a), 21	
<b>15</b>	<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	<b>(45.265.107.156)</b>	<b>(54.789.625.627)</b>
<b>16</b>	<b>Biến động dự phòng dao động lớn</b>	<b>(5.152.427.156)</b>	<b>(4.851.296.507)</b>
16		15(b)	
<b>17</b>	<b>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>(195.713.298.181)</b>	<b>(316.637.501.417)</b>
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	(43.067.145.475)	(56.760.609.253)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(152.646.152.706)	(259.876.892.164)
<b>18</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>(246.130.832.493)</b>	<b>(376.278.423.551)</b>
<b>19</b>	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>68.866.495.418</b>	<b>88.106.714.409</b>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
20	Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư	26	15.623.766.600	15.310.962.000
21	Giá vốn bất động sản đầu tư	26	(1.455.929.308)	(1.935.434.705)
22	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư bất động sản</b>		<b>14.167.837.292</b>	<b>13.375.527.295</b>
23	Doanh thu hoạt động tài chính	23	164.992.470.288	116.902.630.038
24	Chi phí tài chính	24	(23.120.647.244)	(27.317.992.817)
25	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính</b>		<b>141.871.823.044</b>	<b>89.584.637.221</b>
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(66.157.025.944)	(84.091.398.151)
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>158.749.129.810</b>	<b>106.975.480.774</b>
31	Thu nhập khác		5.802.091	-
40	Lợi nhuận khác		5.802.091	-
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>158.754.931.901</b>	<b>106.975.480.774</b>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	27	(31.853.962.078)	(21.560.401.698)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27	-	-
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>126.900.969.823</b>	<b>85.415.079.076</b>



Bùi Quang Lê Dũng  
Người lập



Đoàn Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng




Phạm Khắc Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HD**

Mẫu số B 03 – DNPNT

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>158.754.931.901</b>	<b>106.975.480.774</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	9, 10 1.929.350.616	2.006.350.616
03	Các khoản dự phòng	209.342.862.184	48.665.419.489
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23 (815.148)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	23 (164.659.708.668)	(116.545.991.976)
06	Chi phí lãi trả chậm	28 23.059.726.027	27.259.726.028
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>228.426.346.912</b>	<b>68.360.984.931</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	750.073.490.305	(509.542.626.892)
10	Giảm hàng tồn kho	-	24.750
11	Tăng các khoản phải trả	39.359.230.867	10.357.864.241
12	Tăng chi phí trả trước	(143.862.217.764)	(5.459.329.087)
14	Tiền lãi trả chậm đã trả	28 (25.200.000.000)	(29.400.000.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12 (37.553.806.680)	(21.368.178.816)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>811.243.043.640</b>	<b>(487.051.260.873)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.460.000.000.000)	(1.974.000.000.000)
24	Tiền thu hồi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	335.000.000.000	2.174.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	160.332.975.926	148.354.894.577
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(964.667.024.074)</b>	<b>348.354.894.577</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Chi trả nợ gốc trả chậm	28 (60.000.000.000)	(60.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(60.000.000.000)</b>	<b>(60.000.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(213.423.980.434)</b>	<b>(198.696.366.296)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4 245.660.235.311</b>	<b>444.356.601.607</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	815.148	-
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4 32.237.070.025</b>	<b>245.660.235.311</b>

  
Bùi Quang Lê Dũng  
Người lập

  
Đoàn Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Khắc Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.